



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	2900765728	ngày 25 tháng 9 năm 2006
Đăng ký Doanh nghiệp số	2900765728	ngày 11 tháng 5 năm 2017
	2900765728	ngày 3 tháng 11 năm 2022
	2900765728	ngày 5 tháng 9 năm 2023
	2900765728	ngày 15 tháng 7 năm 2025
	2900765728	ngày 3 tháng 2 năm 2026

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 2900765728 ngày 3 tháng 2 năm 2026. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính tỉnh Nghệ An cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Lâm Du An Ông Đoàn Tiến Dũng Ông Nguyễn Xuân Hải Ông Nguyễn Kim Hòa Bà Trần Lê Hoa	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Bảo Ngọc Bà Nguyễn Thanh Thủy Bà Nguyễn Thị Huân	Trưởng ban Kiểm soát Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

Ban điều hành	Ông Đặng An Hải Ông Trần Đức Sơn Ông Đặng Hải Hà	Giám đốc Phó Giám đốc Kế toán trưởng
----------------------	--	--

Trụ sở đăng ký	Số 54, Đường Phan Đăng Lưu Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Thay mặt Ban điều hành

Đặng An Hải
Giám đốc

Tỉnh Nghệ An, ngày 6 tháng 3 năm 2026





Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 3 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 34.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 25-04-00092-26-1



Triệu Tích Quyên
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 3 năm 2026



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		140.667.584.799	124.364.322.486
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	76.917.093.527	74.475.171.483
Tiền	111		8.282.230.513	11.799.834.300
Các khoản tương đương tiền	112		68.634.863.014	62.675.337.183
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.590.180.557	565.642.740
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	8.590.180.557	565.642.740
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		24.504.767.857	12.194.550.742
Phải thu của khách hàng	131	7	23.217.503.024	11.417.114.163
Trả trước cho người bán	132		904.534.866	681.898.100
Phải thu ngắn hạn khác	136		382.729.967	95.538.479
Hàng tồn kho	140	8	29.436.597.731	35.901.564.189
Hàng tồn kho	141		34.261.773.628	41.818.800.010
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.825.175.897)	(5.917.235.821)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.218.945.127	1.227.393.332
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.197.157.687	1.186.556.916
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(a)	21.787.440	40.836.416
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 260)	200		64.865.203.903	74.680.427.184
Tài sản cố định	220		44.816.887.541	52.573.191.445
Tài sản cố định hữu hình	221	9	44.068.808.522	52.497.322.277
Nguyên giá	222		436.455.689.601	436.198.602.934
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(392.386.881.079)	(383.701.280.657)
Tài sản cố định vô hình	227	10	748.079.019	75.869.168
Nguyên giá	228		1.166.482.769	376.445.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(418.403.750)	(300.575.866)
Bất động sản đầu tư	230	11	2.895.846.553	3.109.856.977
Nguyên giá	231		4.258.643.532	4.258.643.532
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.362.796.979)	(1.148.786.555)
Tài sản dài hạn khác	260		17.152.469.809	18.997.378.762
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	15.226.364.377	17.071.079.563
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.926.105.432	1.926.299.199
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		205.532.788.702	199.044.749.670

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		65.180.897.878	64.530.859.828
Nợ ngắn hạn	310		56.655.965.641	55.142.187.916
Phải trả người bán	311	14	5.129.310.844	11.576.246.992
Người mua trả tiền trước	312		555.525.321	495.762.618
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15(b)	33.299.473.682	26.884.986.985
Phải trả người lao động	314		2.360.102.484	2.483.690.498
Chi phí phải trả	315	16	1.833.377.916	1.324.953.530
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		228.181.823	228.181.821
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	8.344.990.270	7.863.307.297
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	4.905.003.301	4.285.058.175
Nợ dài hạn	330		8.524.932.237	9.388.671.912
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	8.524.932.237	9.388.671.912
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		140.351.890.824	134.513.889.842
Vốn chủ sở hữu	410	20	140.351.890.824	134.513.889.842
Vốn cổ phần	411	21	105.000.000.000	105.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		105.000.000.000	105.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.390.909.325	7.390.909.325
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	8.000.000.000	8.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		19.960.981.499	14.122.980.517
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.052.124.554	7.292.962.512
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.908.856.945	6.830.018.005
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		205.532.788.702	199.044.749.670

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Đặng An Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	337.725.987.416	356.829.511.611
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	607.223.668	811.904.091
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	337.118.763.748	356.017.607.520
Giá vốn hàng bán	11	26	289.159.194.493	313.090.527.777
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		47.959.569.255	42.927.079.743
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.342.821.272	2.492.241.856
Chi phí bán hàng	25	27	12.957.576.932	14.469.387.047
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	16.265.041.929	16.475.971.971
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.079.771.666	14.473.962.581
Thu nhập khác	31		140.857.822	299.810.610
Chi phí khác	32		71.618.019	373.136.394
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		69.239.803	(73.325.784)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.149.011.469	14.400.636.797
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	4.605.573.483	4.031.884.355
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	52	30	193.767	(651.265.563)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		17.543.244.219	11.020.018.005
Lãi trên cổ phiếu				(Điều chỉnh lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.229	677

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:


 Đặng Hải Hà
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Đặng An Hải
 Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	22.149.011.469	14.400.636.797
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	9.316.151.128	9.779.561.510
Các khoản dự phòng	03	(1.947.543.535)	357.653.603
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(3.319.998.114)	(2.492.241.856)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	26.197.620.948	22.045.610.054
Biến động các khoản phải thu	09	(11.407.288.158)	(6.548.120.567)
Biến động hàng tồn kho	10	7.548.770.318	4.545.749.347
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(76.773.411)	3.908.330.444
Biến động chi phí trả trước	12	1.834.114.415	2.910.947.331
		24.096.444.112	26.862.516.609
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.909.802.140)	(2.964.386.126)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.735.298.111)	(2.401.626.568)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.451.343.861	21.496.503.915
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(1.935.709.035)	(3.690.803.114)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	66.944.444	-
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(8.024.537.817)	(265.642.740)
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.056.285.291	2.448.293.340
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6.837.017.117)	(1.508.152.514)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2025 VND	2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền chi trả cổ tức	36	(7.172.404.700)	(5.310.265.500)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	40	(7.172.404.700)	(5.310.265.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.441.922.044	14.678.085.901
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	74.475.171.483	59.797.085.582
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	76.917.093.527	74.475.171.483

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:



Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng An Hải
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 26 tháng 12 năm 2016, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là SB1.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, mua bán các sản phẩm bia, cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có 184 nhân viên (1/1/2025: 193 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Công ty định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 - 4 năm.

(ii) Giấy phép bảo vệ môi trường

Giấy phép bảo vệ môi trường được ghi nhận theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của giấy phép bảo vệ môi trường bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan cần thiết để có được giấy phép. Giấy phép bảo vệ môi trường được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Chi phí sửa chữa, cải tạo

Chi phí sửa chữa, cải tạo tài sản cố định phản ánh các chi phí sửa chữa, thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không đủ điều kiện để ghi nhận vào nguyên giá tài sản cố định. Chi phí nâng cấp được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời gian thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là kinh doanh cồn, rượu và nước giải khát; lắp đặt và chuyển giao công nghệ sản xuất bia; và mua bán các loại nguyên, nhiên vật liệu phục vụ ngành bia và nước giải khát. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	551.801.819	255.977.340
Tiền gửi ngân hàng	7.730.428.694	11.543.856.960
Các khoản tương đương tiền	68.634.863.014	62.675.337.183
	<hr/>	<hr/>
	76.917.093.527	74.475.171.483

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất 4,72%/năm (1/1/2025: 4,75%/năm).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và kỳ hạn đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày báo cáo. Các khoản tiền gửi này được mệnh giá bằng VND và hưởng lãi suất từ 4,2% đến 5,5% một năm (1/1/2025: từ 4,2% đến 4,5% một năm).

7. Phải thu của khách hàng**Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn – công ty mẹ	23.108.222.535	11.272.782.616
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Bia Sài Gòn – một bên liên quan	21.384.713	-
Các khách hàng khác	87.895.776	144.331.547
	<hr/>	<hr/>
	23.217.503.024	11.417.114.163

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Hàng tồn kho**

	31/12/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	16.722.490.609	(1.565.404.925)	20.080.216.594	(1.917.132.310)
Công cụ và dụng cụ	5.006.506.209	(3.259.770.972)	5.895.982.943	(4.000.103.511)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.250.687.125	-	10.059.048.613	-
Thành phẩm	5.282.089.685	-	5.783.551.860	-
	34.261.773.628	(4.825.175.897)	41.818.800.010	(5.917.235.821)

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	5.917.235.821	5.439.310.044
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm	(1.083.803.860)	582.384.763
Sử dụng trong năm	(8.256.064)	(104.458.986)
Số dư cuối năm	4.825.175.897	5.917.235.821

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**9. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	33.249.962.049	387.275.659.378	8.201.651.402	7.471.330.105	436.198.602.934
Tăng trong năm	-	525.300.000	-	120.266.667	645.566.667
Thanh lý	-	(388.480.000)	-	-	(388.480.000)
Số dư cuối năm	33.249.962.049	387.412.479.378	8.201.651.402	7.591.596.772	436.455.689.601
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.762.768.355	339.210.175.885	8.179.652.042	5.548.684.375	383.701.280.657
Khấu hao trong năm	401.678.945	8.285.562.596	21.999.360	275.071.919	8.984.312.820
Thanh lý	-	(298.712.398)	-	-	(298.712.398)
Số dư cuối năm	31.164.447.300	347.197.026.083	8.201.651.402	5.823.756.294	392.386.881.079
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	2.487.193.694	48.065.483.493	21.999.360	1.922.645.730	52.497.322.277
Số dư cuối năm	2.085.514.749	40.215.453.295	-	1.767.840.478	44.068.808.522

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 316.723 triệu VND (1/1/2025: 309.141 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Giấy phép bảo vệ môi trường VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	376.445.034	-	376.445.034
Tăng trong năm	140.037.735	650.000.000	790.037.735
Số dư cuối năm	516.482.769	650.000.000	1.166.482.769
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	300.575.866	-	300.575.866
Khấu hao trong năm	34.456.151	83.371.733	117.827.884
Số dư cuối năm	335.032.017	83.371.733	418.403.750
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	75.869.168	-	75.869.168
Số dư cuối năm	181.450.752	566.628.267	748.079.019

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 280 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (1/1/2025: 280 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	4.258.643.532
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.148.786.555
Khấu hao trong năm	214.010.424
Số dư cuối năm	1.362.796.979
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	3.109.856.977
Số dư cuối năm	2.895.846.553

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê công bố trong báo cáo tài chính vì hiện tại chưa có hướng dẫn về việc xác định giá trị hợp lý bằng các kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này có thể khác so với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Bình inox VND	Công cụ và dụng cụ VND	Bao bì luân chuyển VND	Chi phí sửa chữa, cải tạo VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	2.129.174.915	5.205.933.810	6.505.080.690	3.142.890.148	88.000.000	17.071.079.563
Tăng trong năm	257.000.000	5.186.206.986	1.250.991.000	1.739.785.051	633.600.000	9.067.583.037
Phân bổ trong năm	(1.429.334.446)	(3.790.788.206)	(3.556.074.494)	(1.731.301.077)	(404.800.000)	(10.912.298.223)
Số dư cuối năm	956.840.469	6.601.352.590	4.199.997.196	3.151.374.122	316.800.000	15.226.364.377

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận**

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.704.986.447	1.877.734.383
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	965.035.179	1.183.447.165
	2.670.021.626	3.061.181.548
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Phân bổ bình Inox, chai, két	(743.916.194)	(1.134.882.349)
	1.926.105.432	1.926.299.199
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	1.926.105.432	1.926.299.199

14. Phải trả người bán**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	530.383.075	824.217.100
Công ty TNHH Sản xuất – Thương mại Phước Thành IV	505.120.140	-
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	439.066.095	5.424.300.951
Công ty Cổ phần Tập đoàn PNG	421.657.000	-
Công ty Cổ phần Lương Thực Hà Tĩnh	411.024.672	290.000.000
Công ty TNHH Kỹ Thuật Và Thương Mại Ngọc Diệp	-	923.763.500
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đà Nẵng	-	627.149.812
Nhà cung cấp khác	2.822.059.862	3.486.815.629
	5.129.310.844	11.576.246.992

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	439.066.095	5.424.300.951
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ	294.788.160	231.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	257.398.868	23.306.349
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn – Hà Tĩnh	-	16.740.000
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sabeco	-	4.168.800

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

15. Thuế phải thu/phải nộp Nhà nước**(a) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/1/2025 VND	Số cần trừ/ phân loại lại trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế thu nhập cá nhân	40.836.416	(19.048.976)	21.787.440

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ/ phân loại lại trong năm VND	31/12/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	21.374.702.803	299.532.460.821	(295.425.666.223)	-	25.481.497.401
Thuế giá trị gia tăng	1.587.178.528	63.474.362.208	(41.846.248.397)	(20.013.839.695)	3.201.452.644
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.909.069.894	4.605.573.483	(3.909.802.140)	-	4.604.841.237
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.216.817.942	(1.197.768.966)	(19.048.976)	-
Thuế thuê đất	-	872.794.485	(872.794.485)	-	-
Các loại thuế khác	14.035.760	316.824.267	(319.177.627)	-	11.682.400
	26.884.986.985	370.018.833.206	(343.571.457.838)	(20.032.888.671)	33.299.473.682

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng và chi phí khuyến mãi	611.334.994	723.437.153
Chi phí tư vấn quản lý sản xuất	500.000.000	-
Chi phí lao động thuê ngoài	427.509.875	260.365.268
Chi phí phải trả khác	294.533.047	341.151.109
	<hr/> 1.833.377.916	<hr/> 1.324.953.530

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	1/1/2025 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5.999.103.000	5.693.673.000
Cổ tức phải trả	2.003.641.270	1.826.045.970
Phải trả ngắn hạn khác	342.246.000	343.588.327
	<hr/> 8.344.990.270	<hr/> 7.863.307.297

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2025 VND	2024 VND
Số dư đầu năm	4.285.058.175	4.330.693.670
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	4.634.387.274	4.190.000.000
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	(279.144.037)	(1.834.008.927)
Sử dụng trong năm	(3.735.298.111)	(2.401.626.568)
	<hr/> 4.905.003.301	<hr/> 4.285.058.175

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VND
Số dư đầu năm	9.388.671.912
Dự phòng hoàn nhập trong năm	(863.739.675)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.524.932.237
	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	10.708.953.585	131.099.862.910
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	11.020.018.005	11.020.018.005
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(4.190.000.000)	(4.190.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 18)	-	-	-	1.834.008.927	1.834.008.927
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	14.122.980.517	134.513.889.842
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	17.543.244.219	17.543.244.219
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	-	-	-	(4.634.387.274)	(4.634.387.274)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 18)	-	-	-	279.144.037	279.144.037
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	(7.350.000.000)	(7.350.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	105.000.000.000	7.390.909.325	8.000.000.000	19.960.981.499	140.351.890.824

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	10.500.000	105.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 1 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho cổ đông số tiền 7.350 triệu VND (tương đương 700 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024 (2024: phân phối khoản cổ tức cho cổ đông số tiền 5.250 triệu VND (tương đương 500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.943.915.610	1.943.915.610
Từ hai đến năm năm	7.775.662.440	7.775.662.440
Sau năm năm	20.158.450.714	22.102.366.323
	29.878.028.764	31.821.944.373

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2025 VND	2024 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	332.378.325.637	350.453.534.872
▪ Bán phế liệu và các doanh thu khác	5.347.661.779	6.375.976.739
	<hr/>	<hr/>
	337.725.987.416	356.829.511.611
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	607.223.668	811.904.091
	<hr/>	<hr/>
	337.118.763.748	356.017.607.520
	<hr/>	<hr/>

26. Giá vốn hàng bán

	2025 VND	2024 VND
Thành phẩm đã bán	290.152.163.197	312.418.215.936
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.083.803.860)	582.384.763
Giá vốn khác	90.835.156	89.927.078
	<hr/>	<hr/>
	289.159.194.493	313.090.527.777
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Chi phí bán hàng**

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	4.899.931.609	4.895.661.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.912.677.040	2.065.412.217
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.380.033.143	2.069.179.015
Chi phí khuyến mãi	1.221.500.878	1.632.864.476
Chi phí nhiên liệu	1.095.370.947	956.341.867
Chi phí hỗ trợ vận chuyển	857.597.203	1.269.929.366
Chi phí khấu hao và phân bổ	-	189.673.314
Chi phí bán hàng khác	1.590.466.112	1.390.325.628
	<hr/>	<hr/>
	12.957.576.932	14.469.387.047

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	10.526.873.315	10.295.781.944
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.350.150.633	1.100.679.024
Chi phí thuê đất	268.622.827	465.356.062
Chi phí vật liệu văn phòng	188.973.868	215.719.457
Chi phí khấu hao và phân bổ	115.344.717	160.989.080
Chi phí quản lý khác	3.815.076.569	4.237.446.404
	<hr/>	<hr/>
	16.265.041.929	16.475.971.971

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	228.736.370.286	248.527.575.276
Chi phí nhân công và nhân viên	40.716.149.862	41.852.575.832
Chi phí khấu hao và phân bổ	9.316.151.128	9.779.561.510
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.030.496.670	11.632.469.889
Chi phí khác	24.272.821.744	30.850.105.834
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2025	2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Năm hiện hành	4.604.841.237	3.909.069.894
Dự phòng thiếu trong những năm trước	732.246	122.814.461
	<hr/> 4.605.573.483	<hr/> 4.031.884.355
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	193.767	(651.265.563)
	<hr/> 4.605.767.250	<hr/> 3.380.618.792

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	22.149.011.469	14.400.636.797
	<hr/> 4.429.802.294	<hr/> 2.880.127.359
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	175.232.710	377.676.972
Chi phí không được khấu trừ thuế	732.246	122.814.461
Dự phòng thiếu trong những năm trước	<hr/> 4.605.767.250	<hr/> 3.380.618.792

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2025	2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong năm	17.543.244.219	11.020.018.005
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.634.387.274)	(4.190.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	279.144.037
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	12.908.856.945	7.109.162.042

(*) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

(**) Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại trên cơ sở số trích lập thực tế đã được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được điều chỉnh lại thành 677 VND/cổ phiếu dựa trên số điều chỉnh đã trích lập vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (như đã báo cáo trước đây: 650 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024. Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 10.500.000 cổ phiếu.



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	487.444.188.570	480.363.284.880
Mua nguyên vật liệu	154.166.764.952	162.497.932.204
Cổ tức công bố	4.022.900.000	2.873.500.000
Bán nguyên vật liệu	-	1.346.841.388
Mua dịch vụ	-	154.632.000
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Bao Bì San Miguel Yamamura Phú Thọ		
Mua vật liệu bao bì	1.252.792.000	1.524.320.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua nguyên vật liệu	724.520.750	116.885.000
Mua dịch vụ	626.632.000	500.000.000
Mua tài sản cố định	-	797.800.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Bắc Trung Bộ		
Mua hàng hóa	620.242.680	380.124.510
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh		
Mua nguyên vật liệu	232.500.000	277.450.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Mua dịch vụ	439.336.209	344.499.239
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	38.778.704	60.020.672
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam		
Mua nguyên vật liệu	-	13.950.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu	-	121.778.560

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Nghệ Tĩnh

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2025 VND	2024 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lâm Du An – Chủ tịch	130.000.000	130.000.000
Ông Đoàn Tiến Dũng – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Xuân Hải – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Ông Nguyễn Kim Hòa – Thành viên	91.000.000	91.000.000
Bà Trần Lê Hoa – Thành viên	91.000.000	30.800.000
Ông Phạm Minh Tuấn – Thành viên	-	60.200.000
Thành viên Ban Kiểm soát		
<i>Thù lao</i>		
Bà Nguyễn Bảo Ngọc - Trưởng ban Kiểm soát	91.000.000	30.800.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Linh – Trưởng ban Kiểm soát	-	60.200.000
Bà Nguyễn Thanh Thủy – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Bà Nguyễn Thị Huân – Thành viên	52.000.000	52.000.000
Ban điều hành		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.589.161.750	2.085.172.000

33. Thông tin so sánh

Ngoại trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu được điều chỉnh lại như được trình bày ở Thuyết minh 31, các thông tin so sánh khác tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ngày 6 tháng 3 năm 2026

Người lập:

Đặng Hải Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đặng An Hải
Giám đốc